

II. TỰ LUẬN

Bài 1. Nối phân số chỉ số phần tô màu với hình ở trên:



$$\frac{2}{5}$$

$$\frac{1}{4}$$

$$\frac{4}{10}$$

$$\frac{4}{6}$$

Bài 2. Tính:

a) $\frac{4}{11} + \frac{6}{11} = \dots\dots\dots$

b) $\frac{7}{4} - \frac{5}{8} = \dots\dots\dots$

Bài 3. Tìm x : (Viết dưới dạng phân số tối giản)

a) $x : \frac{1}{2} = 4$

b) $x \times \frac{3}{5} = \frac{7}{10}$

.....

Bài 4. Giải bài toán sau: Lớp 4A có 35 học sinh tham gia kiểm tra Toán giữa kì II. Trong đó, có $\frac{2}{7}$ số học sinh đạt điểm 10; có $\frac{4}{7}$ số học sinh đạt điểm 9; còn lại đạt điểm 8. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh đạt điểm 8 ?

Bài giải

.....

Bài 5. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

$$\frac{10}{11} \times \frac{11}{12} \times \frac{12}{13} \times \frac{13}{14} \times \frac{15}{15} \times \frac{15}{16} \times \frac{16}{17} \times \frac{17}{18}$$

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Phần 1. Trắc nghiệm**Câu 1.****Phương pháp:**

Áp dụng dấu hiệu chia hết cho 5: các số có chữ số tận cùng là 0 hoặc 5 thì chia hết cho 5.

Cách giải:

Trong các số đã cho, số chia hết cho 5 là 135.

Chọn B.

Câu 2.**Phương pháp:**

Để rút gọn phân số $\frac{21}{42}$ thành phân số tối giản ta chia cả tử số và mẫu số của phân số đã cho cho 21.

Cách giải:

$$\text{Ta có: } \frac{21}{42} = \frac{21:21}{42:21} = \frac{1}{2}$$

Chọn C.

Câu 3.**Phương pháp:**

- Quy đồng mẫu số với mẫu số chung là 10.
- Trong hai phân số có cùng mẫu số, phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.

Cách giải:

Ta sẽ quy đồng mẫu số các phân số đã cho với mẫu số chung là 10.

$$\frac{1}{2} = \frac{1 \times 5}{2 \times 5} = \frac{5}{10}; \quad \frac{2}{5} = \frac{2 \times 2}{5 \times 2} = \frac{4}{10}$$

$$\frac{4}{5} = \frac{4 \times 2}{5 \times 2} = \frac{8}{10}$$

Giữ nguyên phân số $\frac{7}{10}$

$$\text{Vì } \frac{4}{10} < \frac{5}{10} < \frac{7}{10} < \frac{8}{10} \text{ nên } \frac{2}{5} < \frac{1}{2} < \frac{7}{10} < \frac{4}{5}$$

Vậy phân số lớn nhất trong các phân số đã cho là $\frac{4}{5}$

Chọn D.

Câu 4.**Phương pháp:**

Phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì lớn hơn 1.

Cách giải:

Những phân số lớn hơn 1 trong các phân số đã cho là $\frac{3}{2}$; $\frac{4}{3}$; $\frac{7}{4}$

Chọn D.

Câu 5.

Phương pháp:

Muốn tính diện tích hình bình hành ta lấy độ dài đáy nhân với chiều cao (cùng một đơn vị đo).

Cách giải:

Diện tích hình bình hành đó là:

$$18 \times 13 = 234 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 234cm².

Chọn A.

Câu 6:

Phương pháp:

Áp dụng kiến thức:

$$\begin{aligned} 1 \text{ tạ} &= 100\text{kg}; & 1 \text{ tấn} &= 1000\text{kg}; \\ 1\text{m}^2 &= 100\text{dm}^2; & 1\text{m}^2 &= 10000\text{cm}^2. \end{aligned}$$

Cách giải:

Ta có:

- a) 3 tạ = 300kg
- b) 68000kg = 68 tấn
- c) 4m² 7dm² = 407dm²
- d) 230 000cm² = 23m²

Vậy kết quả cần điền như sau:

a - S; b - Đ; c - Đ; d - S

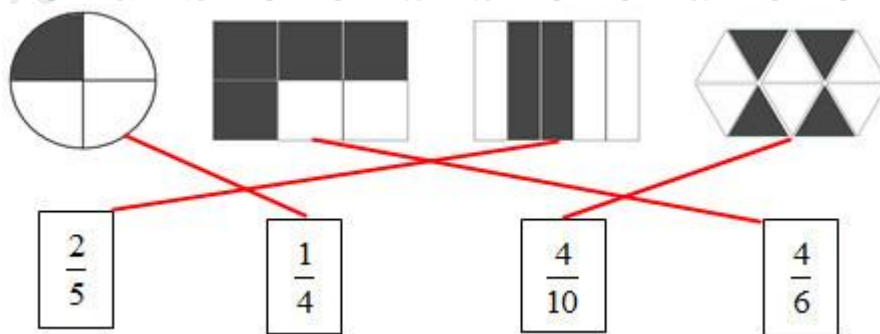
Phần 2. Tự luận

Bài 1.

Phương pháp:

- Quan sát kĩ hình vẽ để tìm số ô được tô màu và tổng số ô.
- Phân số chỉ số phần tô màu của mỗi hình có tử số là số ô được tô màu và mẫu số là tổng số ô của hình đó.

Cách giải:



Bài 2.

Phương pháp:

Áp dụng các quy tắc:

- Muốn cộng hai phân số cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số.
- Muốn trừ hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi trừ hai phân số đó.

Cách giải:

$$a) \frac{4}{11} + \frac{6}{11} = \frac{4+6}{11} = \frac{10}{11}$$

$$b) \frac{7}{4} - \frac{5}{8} = \frac{14}{8} - \frac{5}{8} = \frac{9}{8}$$

Bài 3.

Phương pháp:

Áp dụng các quy tắc:

- Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.
- Muốn tìm thừa số chưa biết ta lấy tích chia cho thừa số đã biết.

Cách giải:

$$x : \frac{1}{2} = 4$$

$$x \times \frac{3}{5} = \frac{7}{10}$$

$$a) x = 4 \times \frac{1}{2}$$

$$x = 2$$

$$b) x = \frac{7}{10} : \frac{3}{5}$$

$$x = \frac{7}{6}$$

Bài 4.

Phương pháp:

- Tìm số học sinh đạt điểm 10 ta lấy số học sinh cả lớp nhân với $\frac{2}{7}$
- Tìm số học sinh đạt điểm 9 ta lấy số học sinh cả lớp nhân với $\frac{4}{7}$
- Tìm số học sinh đạt điểm 8 ta lấy số học sinh cả lớp trừ đi tổng số học sinh đạt điểm 10 và điểm 9.

Cách giải:

Lớp 4A có số học sinh đạt điểm 10 là:

$$35 \times \frac{2}{7} = 10 \text{ (học sinh)}$$

Lớp 4A có số học sinh đạt điểm 9 là:

$$35 \times \frac{4}{7} = 20 \text{ (học sinh)}$$

Lớp 4A có số học sinh đạt điểm 8 là:

$$35 - (10 + 20) = 5 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 5 học sinh.

Có thể giải cách khác như sau:

Coi số học sinh cả lớp là 1 đơn vị.

Số học sinh đạt điểm 8 chiếm số phần số học sinh cả lớp là:

$$1 - \frac{2}{7} - \frac{4}{7} = \frac{1}{7} \text{ (số học sinh cả lớp)}$$

Lớp 4A có số học sinh đạt điểm 8 là:

$$35 \times \frac{1}{7} = 5 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: 5 học sinh.

Bài 5.

Phương pháp:

- Muốn nhân nhiều phân số ta có thể lấy tử số nhân với nhau, mẫu số nhân với nhau.
- Cùng chia tử số và mẫu số cho các thừa số chung.

Cách giải:

$$\begin{aligned} & \frac{10}{11} \times \frac{11}{12} \times \frac{12}{13} \times \frac{13}{14} \times \frac{15}{15} \times \frac{15}{16} \times \frac{16}{17} \times \frac{17}{18} \\ &= \frac{10 \times \cancel{11} \times \cancel{12} \times \cancel{13} \times \cancel{14} \times \cancel{15} \times \cancel{16} \times \cancel{17}}{\cancel{11} \times \cancel{12} \times \cancel{13} \times \cancel{14} \times \cancel{15} \times \cancel{16} \times \cancel{17} \times 18} \\ &= \frac{10}{18} = \frac{5}{9} \end{aligned}$$